

Bản án số: 781/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2020

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Bà Đặng Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1120/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 449 đường N, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tú Anh, sinh năm: 1983; Địa chỉ: 1041/113/7 Tổ 6, KP 5, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: 287/21/37 đường A, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 14 tháng 3 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày: Bà và ông Lê Tú A chung sống vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2011; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển 01/2011, đăng ký ngày 11/5/2011.

Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn chủ yếu là về kinh tế và cách nuôi dạy các con. Cả hai không thể tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, bản thân bà T không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa. Nay bà Nguyễn Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Tú A. Về con chung: có 03 con chung tên là Lê Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 09/9/2009, Lê Nguyễn An N, sinh ngày: 29/01/2012 và Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày: 02/12/2017 ngoài ra không có con chung nào khác. Bà Trần có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Lê Tú A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn là ông Lê Tú A trình bày: ông và bà T kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; có 03 con chung tên là Lê Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 09/9/2009, Lê Nguyễn An N, sinh ngày: 29/01/2012 và Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày: 02/12/2017. Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì muốn các con sống có đủ cha mẹ. Trường hợp ly hôn ông đồng ý để bà T nuôi con và đồng ý cấp dưỡng theo ý muốn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyền số 01/2011 đăng ký ngày 11/5/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao giấy khai sinh số 115, quyền số: 01/2011 đăng ký ngày 16/5/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao giấy khai sinh số 47, quyền số: 01/2012 đăng ký ngày 05/3/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Trích lục khai sinh số 101/TLKS-BS ngày 22/3/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết Trần thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Tú A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Lê Tú A chung sống vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2011; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyền 01/2011, đăng ký ngày 11/5/2011; nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết T xin ly hôn với ông Lê Tú A; Do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn chủ yếu là về kinh tế và cách nuôi dạy các con; Cả hai không thể tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân, mỗi ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Ông Lê Tú A không đồng ý ly hôn vì muốn các con sống có đủ cha mẹ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Tú A đến Tòa để hoà giải và làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Tú A và bà Nguyễn Thị Tuyết T; Nhưng ông Lê Tú A không đến, chứng tỏ ông Lê Tú A thiếu thiện chí để hoà giải những mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Lê Tú A không yêu thương, chăm sóc giúp đỡ và tin tưởng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung, bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Lê Tú A có 03 con chung tên là Lê Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 09/9/2009, Lê Nguyễn An N, sinh ngày: 29/01/2012 và Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày: 02/12/2017 ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay bà Nguyễn Thị Tuyết T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 03 con chung của bà Nguyễn Thị Tuyết T là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Quyết định giao 03 con chung tên Lê Nguyễn Khôi N, Lê Nguyễn An N và Lê Nguyễn Minh A cho bà Nguyễn Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Tuyết T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Lê Tú A khai không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết T xin ly hôn ông Lê Tú A.

2. Về con chung: có 03 con chung tên là Lê Nguyễn Khôi N, sinh ngày: 09/9/2009, Lê Nguyễn An N, sinh ngày: 29/01/2012 và Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày: 02/12/2017 ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên là Lê Nguyễn Khôi N, Lê Nguyễn An N và Lê Nguyễn Minh A. Về cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Tuyết T không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Lê Tú A khai không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0026876 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Bà Nguyễn Thị Tuyết T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P12 Q10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn